

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

KỶ ĐĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG QUÁT

BẢNG KẾ TOÁN ĐO LƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ngày 01/02/2026

Địa chỉ: 123 Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.1234.5678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA

52 – 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Điện tử Biên Hòa. Công ty hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600254548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 11/05/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600254548 thay đổi lần thứ 12 ngày 11/05/2022 là 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: VIETTRONICS BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: BELCO.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán BEL.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Việt Tuấn	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Ông Võ Văn Nam	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Lê Thị Như Ái	Thành viên
Ông Lê Phú Hiếu	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Vũ Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm lại ngày 26/4/2025)
Ông Nguyễn Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2025)
Ông Võ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

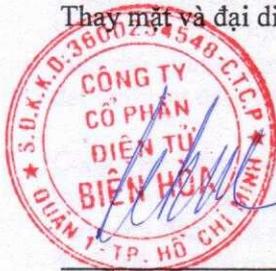
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 73/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa, được lập ngày 28/02/2026 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28/02/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		61.267.332.041	59.242.561.115
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.494.625.246	2.527.108.768
1. Tiền	111		3.494.625.246	2.527.108.768
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.600.000.000	52.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	53.600.000.000	52.400.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.067.456.928	3.382.140.782
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.318.449.760	6.507.246.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	328.417.165	358.297.165
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.558.288.388	1.502.411.877
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.10	(5.137.698.385)	(4.985.815.123)
IV- Hàng tồn kho	140		813.150.292	357.241.078
1. Hàng tồn kho	141	5.6	3.207.158.605	2.752.801.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.394.008.313)	(2.395.560.887)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		292.099.575	576.070.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	292.099.575	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	356.883.852
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	-	219.186.635
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		9.636.248.715	11.083.047.680
I Các khoản phải thu dài hạn	210		15.500.000	15.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	15.500.000	15.500.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	220		320.247.815	534.392.502
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	278.912.910	491.782.477
- Nguyên giá	222		11.262.242.247	11.803.838.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.983.329.337)	(11.312.056.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	41.334.905	42.610.025
- Nguyên giá	228		840.456.001	840.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(799.121.096)	(797.845.976)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	8.604.043.487	9.176.098.307
1. Nguyên giá	231		22.403.976.639	22.403.976.639
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.799.933.152)	(13.227.878.332)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.178.000.000	1.178.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.178.000.000)	(1.178.000.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		696.457.413	1.357.056.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	696.457.413	1.357.056.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		70.903.580.756	70.325.608.795

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

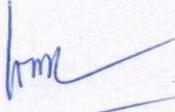
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		7.128.686.330	7.155.766.643
I- Nợ ngắn hạn	310		1.799.132.330	1.682.506.643
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		975.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	-	102.204.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	535.069.161	272.146.647
4. Phải trả người lao động	314		11.547.900	11.547.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		294.042.337	294.042.337
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	749.796.000	653.117.500
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		207.701.932	349.447.859
II- Nợ dài hạn	330		5.329.554.000	5.473.260.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	5.329.554.000	5.473.260.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		63.774.894.426	63.169.842.152
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	63.774.894.426	63.169.842.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyết</i> <i>biểu quyết</i>	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		52.195.500	52.195.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.722.698.926	3.117.646.652
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối</i> <i>năm trước</i>	421a		337.646.652	572.065.568
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		3.385.052.274	2.545.581.084
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		70.903.580.756	70.325.608.795

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lâm Thị Hồng Loan


Nguyễn Thị Vi Minh




Lê Hữu Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.730.108.513	12.169.049.704
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	17.730.108.513	12.169.049.704
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.514.113.791	4.411.684.656
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.215.994.722	7.757.365.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.549.917.416	2.487.408.619
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	812.830.408	717.142.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	7.753.012.986	9.835.580.058
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.200.068.744	(307.948.486)
11. Thu nhập khác	31	6.5	90.662.552	3.270.590.963
12. Chi phí khác	32	6.5	31.221.093	212.721.421
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	59.441.459	3.057.869.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.259.510.203	2.749.921.056
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	874.457.929	204.339.972
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.385.052.274	2.545.581.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	564	361

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lâm Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Vi Minh

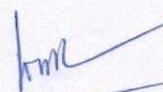


Lê Hữu Phước

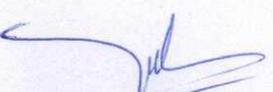
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.259.510.203	2.749.921.056
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		786.199.507	873.995.518
- Các khoản dự phòng	03		150.330.688	127.305.746
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.441.650)	(3.737.100)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.547.475.766)	(2.483.671.519)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		2.646.122.982	1.263.813.701
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		810.097.820	148.381.907
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(454.356.640)	72.279.801
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(384.969.964)	(2.739.957.569)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		368.499.883	(16.742.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(474.452.351)	(836.672.062)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(521.345.927)	(273.390.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.989.595.803	(2.382.287.170)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.372.445.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.100.000.000)	(124.450.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		107.900.000.000	131.550.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.476.249.025	1.962.835.629
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.276.249.025	5.690.390.629
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.300.770.000)	(5.910.023.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.300.770.000)	(5.910.023.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		965.074.828	(2.601.920.041)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.527.108.768	5.125.291.709
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.441.650	3.737.100
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.494.625.246	2.527.108.768

Người lập


Lâm Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Vi Minh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc




Lê Hữu Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Điện tử Biên Hòa. Công ty hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600254548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 11/05/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600254548 thay đổi lần thứ 12 ngày 11/05/2022 là 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: VIETTRONICS BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán BEL.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 29 người (tại ngày 31/12/2024 là 29 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất, bảo hành, kinh doanh sản phẩm điện, điện tử và tin học;
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho tàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ thiết bị bưu chính viễn thông....

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Chi nhánh phụ thuộc nhưng không tổ chức bộ máy kế toán riêng, chi tiết như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội	Số 178 Phố Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ	Số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trảng Biên, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày cho vay và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm/tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm/tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa điện tử và doanh thu cung cấp dịch vụ,...

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	139.677.952	279.125.823
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.354.947.294	2.247.982.945
Tổng	3.494.625.246	2.527.108.768

5.2 Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	53.600.000.000	53.600.000.000	52.400.000.000	52.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	53.600.000.000	53.600.000.000	52.400.000.000	52.400.000.000
Tổng	53.600.000.000	53.600.000.000	52.400.000.000	52.400.000.000

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,1%/năm đến 6,1%/năm tại các Ngân hàng TMCP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.249.190.948	3.249.190.948
Công ty CP Bệnh viện Phụ Sản Diamond 97	1.100.000.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Bạch Việt	747.000.000	747.000.000
Công ty TNHH TM Thời trang Hải Đăng	655.000.000	655.000.000
Công ty TNHH Hoàng phúc Quốc Tế	80.751.375	1.086.250.000
Các đối tượng khác	486.507.437	769.805.915
Tổng	6.318.449.760	6.507.246.863

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty CP Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165
Công ty Luật TNHH Lawyalty	100.000.000	-
Công ty TNHH SX TM DV Gia Linh	-	85.140.000
Các đối tượng khác	19.000.000	63.740.000
Tổng	328.417.165	358.297.165

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

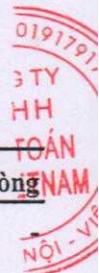
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

209.417.165

209.417.165

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.558.288.388	-	1.502.411.877	-
Tạm ứng	500.000.000	-	562.000.000	-
Phải thu khác	1.058.288.388	-	940.411.877	-
+ Lãi tiền gửi có kỳ hạn	592.347.562	-	521.120.821	-
+ Phải thu về cổ phần hóa	42.217.500	-	46.417.500	-
+ Hợp tác kinh doanh	500.000.000	-	-	-
+ Các khoản chi hộ từ các năm trước	370.000.000	-	370.000.000	-
+ Phải thu khác	3.723.326	-	2.873.556	-
Dài hạn	15.500.000	-	15.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	15.500.000	-	15.500.000	-
Tổng	1.573.788.388	-	1.517.911.877	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	600.763.498	(558.677.141)	587.680.903	(558.677.141)
Công cụ, dụng cụ	76.450.432	(74.748.878)	76.878.678	(74.748.878)
Chi phí Sản xuất, kinh doanh dở dang	20.695.323	(20.695.324)	20.695.323	(20.695.324)
Thành phẩm	1.967.594.773	(1.258.109.415)	1.515.978.016	(1.259.661.989)
Hàng hóa	541.654.579	(481.777.555)	551.569.045	(481.777.555)
Tổng	3.207.158.605	(2.394.008.313)	2.752.801.965	(2.395.560.887)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
52 – 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	5.691.128.880	3.134.263.483	2.938.355.275	40.090.909	11.803.838.547
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(541.596.300)	-	(541.596.300)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(541.596.300)	-	(541.596.300)
Số dư tại ngày 31/12/2025	5.691.128.880	3.134.263.483	2.396.758.975	40.090.909	11.262.242.247
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	5.691.128.880	3.022.816.800	2.558.019.481	40.090.909	11.312.056.070
Tăng trong năm	-	111.446.683	101.422.884	-	212.869.567
Khấu hao trong năm	-	111.446.683	101.422.884	-	212.869.567
Giảm trong năm	-	-	(541.596.300)	-	(541.596.300)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(541.596.300)	-	(541.596.300)
Số dư tại ngày 31/12/2025	5.691.128.880	3.134.263.483	2.117.846.065	40.090.909	10.983.329.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày ngày 01/01/2025	-	111.446.683	380.335.794	-	491.782.477
Tại ngày ngày 31/12/2025	-	-	278.912.910	-	278.912.910

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 10.197.967.968 VND (tại ngày 01/01/2025 là 9.303.654.374 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
52 – 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	63.636.364	580.827.115	195.992.522	840.456.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	21.026.339	580.827.115	195.992.522	797.845.976
Tăng trong năm	1.275.120	-	-	1.275.120
Khấu hao trong năm	1.275.120	-	-	1.275.120
Số dư tại ngày 31/12/2025	22.301.459	580.827.115	195.992.522	799.121.096
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	42.610.025	-	-	42.610.025
Tại ngày 31/12/2025	41.334.905	-	-	41.334.905

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 776.819.637 VND (tại ngày 01/01/2025 là 776.819.637 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÓA
52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	22.403.976.639	-	-	22.403.976.639
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Cơ sở hạ tầng	5.436.403.919	-	-	5.436.403.919
Giá trị hao mòn lũy kế	13.227.878.332	572.054.820	-	13.799.933.152
- Quyền sử dụng đất	2.110.572.764	58.817.988	-	2.169.390.752
- Nhà	8.756.371.915	175.992.324	-	8.932.364.239
- Cơ sở hạ tầng	2.360.933.653	337.244.508	-	2.698.178.161
Giá trị còn lại	9.176.098.307	(572.054.820)	(572.054.820)	9.748.153.127
- Quyền sử dụng đất	1.700.820.136	-	(58.817.988)	1.759.638.124
- Nhà	4.399.807.905	-	(175.992.324)	4.575.800.229
- Cơ sở hạ tầng	3.075.470.266	-	(337.244.508)	3.412.714.774

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các lô đất, nhà và cơ sở hạ tầng gắn liền với đất tương ứng với giá trị là 22.403.976.639 VND bao gồm:

- Số 178 phố Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội. Diện tích sử dụng: 186 m². Thời hạn sử dụng: Từ 24/12/2003 đến 24/12/2053.

- Số 97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng: 3737,5 m². Thời hạn sử dụng: không có thời hạn.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 10.784.984.244 VND và 4.471.091.260 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

Số năm quá hạn	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025			Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng							
> 3 năm	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-	> 3 năm	3.249.190.948	(3.249.190.948)	-
> 3 năm	747.000.000	(747.000.000)	-	> 3 năm	747.000.000	(747.000.000)	-
> 3 năm	655.000.000	(655.000.000)	-	> 3 năm	655.000.000	(458.500.000)	196.500.000
> 3 năm	442.790.577	(442.790.577)	-	> 3 năm	442.790.577	(442.790.577)	-
> 3 năm	39.611.000	(39.611.000)	-	> 3 năm	39.611.000	(39.611.000)	-
> 3 năm	4.105.860	(4.105.860)	-	> 3 năm	4.105.860	(4.105.860)	-
> 3 năm	-	-	-	> 3 năm	44.616.738	(44.616.738)	-
Tổng	5.137.698.385	(5.137.698.385)	-		5.182.315.123	(4.985.815.123)	196.500.000

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Vốn năm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
			Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			1.178.000.000	(1.178.000.000)	1.178.000.000	(1.178.000.000)
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (i)	38%	38%	1.178.000.000	(i) (1.178.000.000)	1.178.000.000	(i) (1.178.000.000)
Tổng			1.178.000.000	(1.178.000.000)	1.178.000.000	(1.178.000.000)

(i) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trên Báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	292.099.575	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	292.099.575	-
b) Dài hạn	696.457.413	1.357.056.871
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	44.975.930	14.672.607
Dịch vụ tư vấn pháp luật	231.111.117	575.555.562
Dịch vụ môi giới nhà đất	420.370.366	766.828.702
Tổng	988.556.988	1.357.056.871

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Tín Dũng	-	100.000.000
Các đối tượng còn lại	-	2.204.400
Tổng		102.204.400

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	272.146.647	6.998.659.460	6.735.736.946	535.069.161
Thuế giá trị gia tăng	172.767.581	1.425.710.522	1.272.409.885	326.068.218
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	655.271.294	474.452.351	180.818.943
Thuế thu nhập cá nhân	28.107.500	128.830.575	128.756.075	28.182.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	71.271.566	4.571.333.822	4.642.605.388	-
Thuế khác	-	217.513.247	217.513.247	-
Phải thu	576.070.487	576.070.487	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	356.883.852	356.883.852	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.186.635	219.186.635	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	749.796.000	653.117.500
Nhận ký quỹ, ký cược	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	664.796.000	565.566.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	52.551.500
b) Dài hạn	5.329.554.000	5.473.260.000
Nhận ký quỹ, ký cược	5.329.554.000	5.473.260.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ Sản Diamond 97</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc Tế</i>	<i>1.654.554.000</i>	<i>1.654.554.000</i>
<i>Công ty TNHH TM Thời Trang Hải Đăng</i>	<i>330.000.000</i>	<i>330.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Recchic</i>	<i>270.000.000</i>	<i>270.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần TĐ Lục Thành</i>	<i>75.000.000</i>	<i>130.440.000</i>
<i>Công ty TNHH Kho vận Mê Kông</i>	<i>-</i>	<i>88.266.000</i>
Tổng	6.079.350.000	6.126.377.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA
52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	60.000.000.000	52.195.500	4.322.065.568	64.374.261.068
Lãi trong năm trước	-	-	2.545.581.084	2.545.581.084
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)
Thưởng người quản lý, Ban điều hành	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	60.000.000.000	52.195.500	3.117.646.652	63.169.842.152
Số dư tại ngày 01/01/2025	60.000.000.000	52.195.500	3.117.646.652	63.169.842.152
Lãi trong năm nay	-	-	3.385.052.274	3.385.052.274
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích thưởng người quản lý, người điều hành (i)	-	-	(80.000.000)	(80.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	60.000.000.000	52.195.500	3.722.698.926	63.774.894.426

(i) Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Biên bản Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2025/BB-DHDCD ngày 26/4/2025, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 27/6/2025 như sau:

- Chia cổ tức 4%: 2.400.000.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 300.000.000 VND
- Thưởng Người quản lý, Ban điều hành: 80.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam (51%)	30.600.000.000	30.600.000.000
Vốn góp các đối tượng khác (49%)	29.400.000.000	29.400.000.000
Tổng	60.000.000.000	60.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.400.000.000	3.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	100.000	100.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	52.195.500	52.195.500
Tổng	52.195.500	52.195.500

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.015,00	3.015,00
Tương đương tiền VND	78.542.750	76.101.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.730.108.513	12.169.049.704
Doanh thu bán hàng	392.431.554	73.322.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.337.676.959	12.095.727.061
Tổng	17.730.108.513	12.169.049.704

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	353.427.535	69.164.311
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.783.771.075	3.580.126.889
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	376.915.181	762.393.456
Tổng	7.514.113.791	4.411.684.656

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	2.547.475.766	2.483.671.519
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.441.650	3.737.100
Tổng	2.549.917.416	2.487.408.619

6.4 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	812.830.408	717.142.095
Chi phí nhân viên	598.681.860	581.450.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.876.636	7.600.272
Chi phí bằng tiền khác	212.271.912	128.090.963
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.753.012.986	9.835.580.058
Chi phí nhân viên quản lý	4.463.253.023	4.596.034.203
Chi phí vật liệu quản lý	3.048.710	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.346.643	91.307.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	102.698.004	447.355.854
Thuế phí và lệ phí	198.308.115	-
Chi phí dự phòng	151.883.262	131.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.255.778	1.029.356.874
Chi phí bằng tiền khác	2.405.219.451	3.540.525.642
Tổng	8.565.843.394	10.552.722.153

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập thanh lý TSCĐ	90.654.546	-
Thu nhập từ bồi thường	-	3.181.818.181
Các khoản khác	8.006	88.772.782
Tổng	90.662.552	3.270.590.963
Chi phí khác		
Khoản phạt vi phạm thuế	31.221.093	212.721.421
Tổng	31.221.093	212.721.421
Lợi nhuận khác	59.441.459	3.057.869.542

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	353.427.535	69.164.311
Chi phí nhân công	6.036.735.773	5.683.015.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	786.199.507	873.995.518
Chi phí dự phòng	151.883.262	131.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.758.407.623	1.556.548.596
Chi phí khác bằng tiền khác	6.508.241.269	7.027.303.965
Tổng	15.594.894.969	15.341.027.623

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.259.510.203	2.749.921.056
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	115.221.093	310.721.421
Thù lao HĐQT	84.000.000	96.000.000
Chi phí khác	31.221.093	214.721.421
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	2.441.650	3.501.093.896
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.441.650	3.737.100
Hoàn chi phí đã tính thuế	-	3.497.356.796
Thu nhập chịu thuế	4.372.289.646	(440.451.419)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	874.457.929	-
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	204.339.972
Chi phí thuế TNDN hiện hành	874.457.929	204.339.972

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại) (ii)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.385.052.274	2.545.581.084
Các khoản điều chỉnh	-	(380.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(300.000.000)
Trích người quản lý, người điều hành	-	(80.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	3.385.052.274	2.165.581.084
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	564	361

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý, người điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Biên bản Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 27/6/2025. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.545.581.084	2.545.581.084	-
Các khoản điều chỉnh	-	380.000.000	(380.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	300.000.000	(300.000.000)
Trích người quản lý, người điều hành	-	80.000.000	(80.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.545.581.084	2.165.581.084	(380.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	6.000.000	6.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	424	361	(63)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

b) Thù lao, lương và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

<u>Họ và Tên</u>	<u>Thù lao, lương và các lợi ích khác</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Văn Viết Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/4/2025)	42.000.000	30.000.000
Ông Vũ Song Toàn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)	24.000.000	36.000.000
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2025)	30.000.000	30.000.000
Ông Võ Văn Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2025)	20.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)	10.000.000	30.000.000
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)	18.000.000	30.000.000
Tổng		144.000.000	156.000.000

c) Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

<u>Họ và Tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban	65.060.000	24.000.000
Bà Lê Thị Như Ái	Thành viên	95.799.000	88.370.000
Ông Lê Phú Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2025)	9.600.000	-
Ông Vũ Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2025)	8.800.000	14.400.000
Tổng		179.259.000	126.770.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d) Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	445.962.000	396.900.000
Ông Nguyễn Đình Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2025)	84.948.000	272.914.000
Ông Võ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2025)	309.607.000	317.520.000
Tổng		840.517.000	987.334.000

c) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	209.417.165	209.417.165

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

hmm

ml



Lâm Thị Hồng Loan

Nguyễn Thị Vi Minh

Lê Hữu Phước

